

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG THUÊ CHUYÊN GIA SONG NGỮ VIỆT - ANH
(BILINGUAL EXPERT SERVICE CONTRACT)**

Căn cứ vào **Bộ luật Dân sự 2015** của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Căn cứ vào nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Công ty _____;
Căn cứ vào năng lực, khả năng đào tạo của Ông/Bà _____;
Căn cứ vào các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành, bao gồm **Luật Công chứng 2014** và Nghị định 152/2024/NĐ-CP về quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam.

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm 20____, tại _____, chúng tôi gồm:
(Today, on ____ of __, 20, at _____, we, the undersigned parties:)

BÊN A (PARTY A):

Công ty: _____
(Company: _____)
Đại diện bởi: _____
(Represented by: _____)
Chức vụ: _____
(Position: _____)
Địa chỉ: _____
(Address: _____)
Điện thoại: _____ Fax: _____
(Phone: _____ Fax: _____)

BÊN B (PARTY B):

Ông/Bà: _____
(Mr./Ms.: _____)
Sinh ngày: _____
(Date of Birth: _____)
Nghề nghiệp: _____
(Occupation: _____)
Thường trú tại: _____
(Permanent Address: _____)
CMND/CCCD số: _____ Cấp ngày: _____ tại: _____
(ID/Passport No.: _____ Issued on: _____ at: _____)
Điện thoại: _____
(Phone: _____)

Thỏa thuận ký kết hợp đồng thuê chuyên gia song ngữ và cam kết thực hiện đúng các điều khoản sau đây:

(Agree to enter into this bilingual expert service contract and commit to complying with the following terms and conditions:)

Điều 1: Nội dung hợp đồng (Article 1: Contract Content)

Ông/Bà _____ nhận thực hiện khóa đào tạo “Kỹ năng Lãnh đạo và Quản lý chuyên nghiệp” cho Công ty _____ với các nội dung cụ thể được quy định trong Phụ lục 1 của Hợp đồng.

(Mr./Ms. _____ agrees to conduct the training course “Professional Leadership and Management Skills” for _____ Company with specific details outlined in Annex 1 of the Contract.)

Thời gian thực hiện: Ngày ____ và ____ tháng ____ năm 20__

(Implementation Period: On ____ and ____ of __, 20)

Sáng: từ ____ giờ đến ____ giờ

(Morning: from ____ to ____)

Chiều: từ ____ giờ đến ____ giờ

(Afternoon: from ____ to ____)

Địa điểm tổ chức khóa học: _____

(Training Venue: _____)

Điều 2: Giá trị hợp đồng (Article 2: Contract Value)

Phí đào tạo được xác định như sau:

(Training fees are determined as follows:)

ST T	Tên khóa học	Đơn giá	Số lượng (khóa)	Thành tiền (VNĐ)
1	Chi phí đào tạo	_____ VNĐ	_____	_____ VNĐ
	VAT		_____	
	Tổng		_____ VNĐ	

(Total: _____ VNĐ)

Bằng chữ: _____

(In words: _____)

Chi phí trên chưa bao gồm: chi phí đi lại từ _____ đến _____, chi phí tổ chức lớp học, tài liệu.

(The above costs do not include: travel expenses from _____ to _____, training organization costs, and materials.)

Điều 3: Điều khoản thanh toán (Article 3: Payment Terms)

Phương thức thanh toán (Payment Method):

- Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng trước 05 ngày kể từ ngày khóa học diễn ra.
(Party A shall pay 100% of the contract value at least 05 days before the training course takes place.)

Chứng từ thanh toán (Payment Documents):

- Hợp đồng, Biên bản thanh lý hợp đồng, Báo cáo tổng kết khóa học.
(Contract, Contract Liquidation Minutes, Training Course Summary Report.)

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các bên (Article 4: Rights and Obligations of the Parties)

Bên A (Party A):

- Cung cấp danh sách học viên và các thông tin cần thiết của từng cá nhân cho Bên B.
(Provide the list of trainees and necessary information about each individual to Party B.)
- Bố trí nhân viên tham gia khóa học, dự kiến lớp có _____ học viên.
(Arrange for employees to attend the course, expected to have _____ trainees.)
- Thanh toán chi phí đào tạo theo đúng quy định tại Điều 3 của hợp đồng.
(Make payment for training fees as stipulated in Article 3 of the contract.)
- Chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí khác, bao gồm: chi phí đi lại từ _____ đến _____, chi phí ăn ở trong thời gian tại _____ ngày.
(Be responsible for paying other expenses, including travel expenses from _____ to _____, accommodation costs during _____ days.)
- Chịu trách nhiệm thanh toán chi phí tổ chức lớp học.
(Be responsible for paying the costs of organizing the training course.)
- Giải quyết các vấn đề phát sinh từ nhân sự của mình.
(Resolve issues arising from its personnel.)

- Yêu cầu Bên B điều chỉnh nội dung chương trình để phù hợp với nhận thức của học viên và mục tiêu đào tạo.
(Request Party B to adjust the training content to suit the trainees' understanding and training objectives.)

Bên B (Party B):

- Chịu trách nhiệm xây dựng nội dung chương trình học, đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tế của Bên A và đạt mục tiêu đào tạo.
(Be responsible for developing the training content, ensuring it meets Party A's practical requirements and training objectives.)
- Giảng dạy đúng nội dung chương trình và đảm bảo thời lượng của khóa học.
(Deliver the training content as agreed and ensure the duration of the course.)
- Cung cấp đầy đủ và kịp thời tài liệu cho học viên.
(Provide complete and timely training materials to trainees.)
- Cung cấp dịch vụ theo dõi sau khóa học, bao gồm:
(Provide post-training follow-up services, including:)
 - Theo dõi sự tham gia học tập của từng học viên.
(Monitor the participation of each trainee.)
 - Giải đáp thắc mắc của học viên qua điện thoại, email trong suốt và sau khóa học.
(Address trainees' questions via phone or email during and after the course.)
 - Tổng kết khóa học và gửi báo cáo đánh giá kết quả học tập của từng học viên cho Bên A sau khi kết thúc khóa đào tạo.
(Summarize the course and provide a report evaluating each trainee's performance to Party A after the training concludes.)

Điều 5: Các điều khoản khác (Article 5: Other Terms)

- Phụ lục và các văn bản sửa đổi, bổ sung do hai bên ký kết là một phần không tách rời của hợp đồng này.
(Annexes and any amendments or supplements signed by both parties are an integral part of this contract.)
- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên sẽ thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác. Nếu không đạt được thỏa thuận, tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án _____ để xét xử theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành, bao gồm **Bộ luật Dân sự 2015**.
(Both parties commit to complying with the agreed terms. In case of

disputes, the parties shall negotiate in good faith. If no agreement is reached, the dispute shall be brought to _____ Court for resolution in accordance with current Vietnamese law, including the Civil Code 2015.)

Điều 6: Điều khoản thi hành (Article 6: Implementation Terms)

- Hợp đồng này được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, có giá trị pháp lý như nhau.
(This contract is made in _____ copies, each party retaining _____ copies, all of which have equal legal validity.)
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký kết.
(This contract takes effect from the date of signing.)

Làm tại _____, ngày ____ tháng ____ năm 20
(Done in _____, on ____ of __, 20)

Đại diện Bên A (Representative of Party A)

Đại diện Bên B (Representative of Party B)

PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG KHÓA ĐÀO TẠO

(ANNEX 1: TRAINING CONTENT)

**“KỸ NĂNG QUẢN LÝ VÀ LÃNH ĐẠO CHUYÊN NGHIỆP”
 (“PROFESSIONAL MANAGEMENT AND LEADERSHIP SKILLS”)**

Bản đề xuất chương trình đào tạo (Proposed Training Program)

Dành cho Công ty _____
(For _____ Company)

Đối tượng đào tạo (Target Trainees):

- Lãnh đạo thuộc Ban Giám đốc, Ban Lãnh đạo và CEO.
(Leaders including Board of Directors, Management Board, and CEO.)
- Quản lý các bộ phận.
(Department Managers.)

Mục tiêu (Objectives):

- Hiểu rõ các yếu tố then chốt của nghiệp vụ quản lý và lãnh đạo.
(**Understand the key elements of management and leadership practices.**)
- Quản lý và lãnh đạo hiệu quả hơn.
(**Manage and lead more effectively.**)
- Tuyển dụng hiệu quả hơn.
(**Recruit more effectively.**)
- Hoàn thành các mục tiêu đề ra.
(**Achieve set objectives.**)
- Sử dụng các vấn đề để phát triển.
(**Utilize issues for development.**)
- Phát triển cộng sự và bản thân lãnh đạo.
(**Develop associates and oneself as a leader.**)
- Quản trị nghề nghiệp bản thân hiệu quả hơn.
(**Manage one's career more effectively.**)
- Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.
(**Assess personal strengths and weaknesses.**)
- Quản trị thời gian và xác lập ưu tiên trong công việc.
(**Manage time and set work priorities.**)
- Phân tích hiệu quả giao tiếp và kỹ năng ra quyết định.
(**Analyze communication effectiveness and decision-making skills.**)
- Quản lý và lãnh đạo chủ động, tiên liệu vào tương lai.
(**Proactively manage and lead with foresight.**)

Nội dung khóa học (Course Content):

1. Nhà Quản lý Chuyên nghiệp (Professional Manager)

- Hệ thống quản lý và điều hành.
(**Management and operational systems.**)
- Đánh giá sự chuyên nghiệp của bản thân các quản lý.
(**Assess the professionalism of managers.**)
- Các kỹ năng cần thiết cho nghiệp vụ quản lý.
(**Essential skills for management practices.**)
- Xác định phong cách quản lý của bản thân.
(**Identify your management style.**)
- So sánh quản lý chuyên quyền và quản lý phát triển.
(**Compare authoritarian and developmental management styles.**)
- Các biện pháp tự đánh giá và cải thiện.
(**Methods for self-assessment and improvement.**)
- Các yếu tố then chốt để lãnh đạo hiệu quả.
(**Key elements for effective leadership.**)

2. Lãnh đạo và Quản lý trên Thành quả Hoạt động (Leadership and Management Based on Performance)

- Quản trị các mâu thuẫn và phân tích nhu cầu.
(Manage conflicts and analyze needs.)
- Hòa hợp lý thuyết vào thực tiễn quản lý.
(Integrate theory into practical management.)
- Thiết kế kế hoạch và xác lập mục tiêu.
(Design plans and set objectives.)
- Chu kỳ PBM (Performance-Based Management) cho doanh nghiệp.
(PBM cycle for businesses.)
- Các bước phát triển cơ bản và quản lý kết quả then chốt.
(Basic development steps and managing key results.)

3. Cải thiện Thành quả Quản lý (Improving Management Outcomes)

- Các yếu tố cần có cho quản lý hiệu quả.
(Elements required for effective management.)
- Nguyên nhân của quản lý kém và phương pháp cải thiện.
(Causes of poor management and improvement methods.)
- Quy trình tự đánh giá và công cụ đánh giá.
(Self-assessment process and evaluation tools.)
- 10 nguyên tắc để phát triển thành quả quản lý.
(10 principles for improving management outcomes.)

Phương pháp đào tạo (Training Methods):

- Bài giảng, thảo luận nhóm, và câu hỏi trao đổi.
(Lectures, group discussions, and Q&A sessions.)
- Bài tập tình huống để nâng cao kỹ năng.
(Case study exercises to enhance skills.)

Giảng viên (Trainer): Ông/Bà _____
(Mr./Ms. _____)

Thời gian đào tạo (Training Schedule):

Ngày ____ và ____ tháng ____ năm 20____
(On ____ and ____ of __, 20)

Sáng: ____ giờ đến ____ giờ
(Morning: ____ to ____)

Chiều: ____ giờ đến ____ giờ
(Afternoon: ____ to ____)

Địa điểm tổ chức khóa học: _____
(Training Venue: _____)